BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty cổ phần Pin Hà Nội

Năm 2024

I. Thông tin chung

1. *Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch*: Công ty cổ phần Pin Hà Nội*

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số*:0100100752*

- Vốn điều lệ: 72.539.110.000 VND

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu*:* 72.539.110.000 VND

- Địa chỉ: Số 72 đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

- Số điện thoại: 024- 3861 5365

- Số fax: 024- 3861 2549

- *Website*: www.habaco.com.vn

- Mã cổ phiếu: PHN

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay.

+ Việc thành lập: Được đầu tư xây dựng theo sự giúp đỡ của Trung Quốc năm 1958, chính thức đi vào hoạt động năm 1960 với các tên gọi lần lượt qua các thời kỳ như: Nhà máy pin Văn Điển; Xí nghiệp liên hiệp Pin Hà Nội, Công ty Pin Hà Nội; chuyên cung cấp các sản phẩm pin thông dụng phục vụ quốc phòng và dân sinh với nhãn hiệu "Con Thỏ".

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần từ 01 tháng 01 năm 2004 theo quyết định số 207/QĐ-BCN ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

+ Tháng 3 năm 2011 phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Pin quốc tế GP Singapore (GPBI) thuộc Tập đoàn pin GP, qua đó nâng vốn Điều lệ từ 19.740.000.000 đồng lên 34.545.000.000 đồng.

+ Tháng 3 năm 2011 thành lập công ty con Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội (Công ty cổ phần Pin Hà nội góp 100% vốn) tại N3 khu C khu Công nghiệp Hòa Mạc thị trấn Hòa Mạc huyện Duy Tiên Tỉnh Hà Nam. Mã số doanh nghiệp số: 0700524947 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hà nam cấp ngày 11 tháng 3 năm 2011. Giấy chứng nhận đầu tư số 06221000118 do Ban Quản lý các khu Công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp ngày 23 tháng 9 năm 2011.

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI
Ký ngày: 5/4/2025 09:50:31

+ Tháng 5 năm 2011 thành lập Chi nhánh Công ty CP Pin Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh Đăng ký kinh doanh số 0100100752-002 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011 thay đổi lần 4 ngày 26 tháng 8 năm 2022.

+ Tháng 10 năm 2015 tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và từ Vốn chủ sở hữu lên 51.184.430.000 VND

+ Tháng 12 năm 2015 ký hợp đồng hợp tác liên doanh với Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore thành lập Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) tại Khu Công nghiệp Hòa Mạc Huyện Duy Tiên Tỉnh Hà Nam. Tổng vốn Điều lệ 90 tỷ đồng Công ty cổ phần Pin Hà Nội góp 30% với Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore góp 70%.

+ Tháng 7 năm 2016 giải thể Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội.

+ Tháng 12 năm 2017 tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và từ Vốn chủ sở hữu lên 72.539.110.000 VND.

+ Ngày 7 tháng 1 năm 2019 Sở GDCK Hà Nội ban hành Quyết định số: 20/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Pin Hà Nội với mã CK: PHN.

+ Niêm yết: Ngày 13 tháng 3 năm 2019 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội (Mã CK: PHN) chính thức khai trương phiên giao dịch đầu tiên tại Sàn GDCK Hà Nội theo Thông báo số 194/TB-SGDHN ngày 1 tháng 3 năm 2019.

+ Tháng 10 năm 2019: Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) tăng vốn Điều lệ từ 90 tỷ đồng lên 275 tỷ 624 triệu đồng. Công ty CP Pin Hà Nội không góp vốn bổ sung do đó giảm tỷ lệ góp tại Công ty TNHH GP (Việt Nam) từ 30% xuống 9,8%.

+ Tháng 12 năm 2019, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thực hiện thoái vốn giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước từ 21% xuống còn 2%.

+ Tháng 12 năm 2019 Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore mua lại 19% cổ phần của Tập đoàn Hóa chất Việt nam nâng tỷ lệ sở hữu từ 30% lên 49% (sở hữu nước ngoài).

+ Tháng 1 năm 2024 Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) tăng vốn Điều lệ từ 275 tỷ 624 triệu đồng lên 341.328.317.880 đồng. Công ty CP Pin Hà Nội không góp vốn bổ sung do đó giảm tỷ lệ góp tại Công ty TNHH GP (Việt Nam) từ 9,8% xuống 7,91%

Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2004, đăng ký kinh doanh cấp lại lần 14 ngày 26/07/2023 với mã số Doanh nghiệp: 0100100752.

- Các sự kiện khác

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 cấp lần đầu ngày 2 tháng 1 năm 2004; sửa đổi lần thứ 14 ngày 26 tháng 07 năm 2023.

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất pin và ắc quy	2720 (chính)
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: bán buôn Pin các loại, nguyên liệu phục vụ sản xuất pin)	4669
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có: Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.	8299
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chỉ gồm có: Cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi	6810

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất

+ Thị trường chính của Công ty là toàn bộ các tỉnh phía Bắc, Miền trung và Tây nguyên;
+ Năm 2011 Công ty đã thành lập Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh nhằm hướng tới việc tiêu thụ các sản phẩm cao cấp và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tại các tỉnh phía Nam;
+ Công ty có sản lượng xuất khẩu ổn định sang thị trường Lào, Campuchia và thông qua Cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Pin quốc tế GP Singapore đã và đang đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng như Ấn độ, Đông Âu, Trung Á, Châu Phi, Nam Mỹ...
+ Công ty tái ký hợp đồng với GPBI để trờ thành nhà phân phối độc quyền các sản phẩm pin nhãn hiệu GP tại thị trường Việt Nam từ tháng 9 năm 2019 sau một thời gian gián đoạn.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.

+ Mô hình quản trị.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

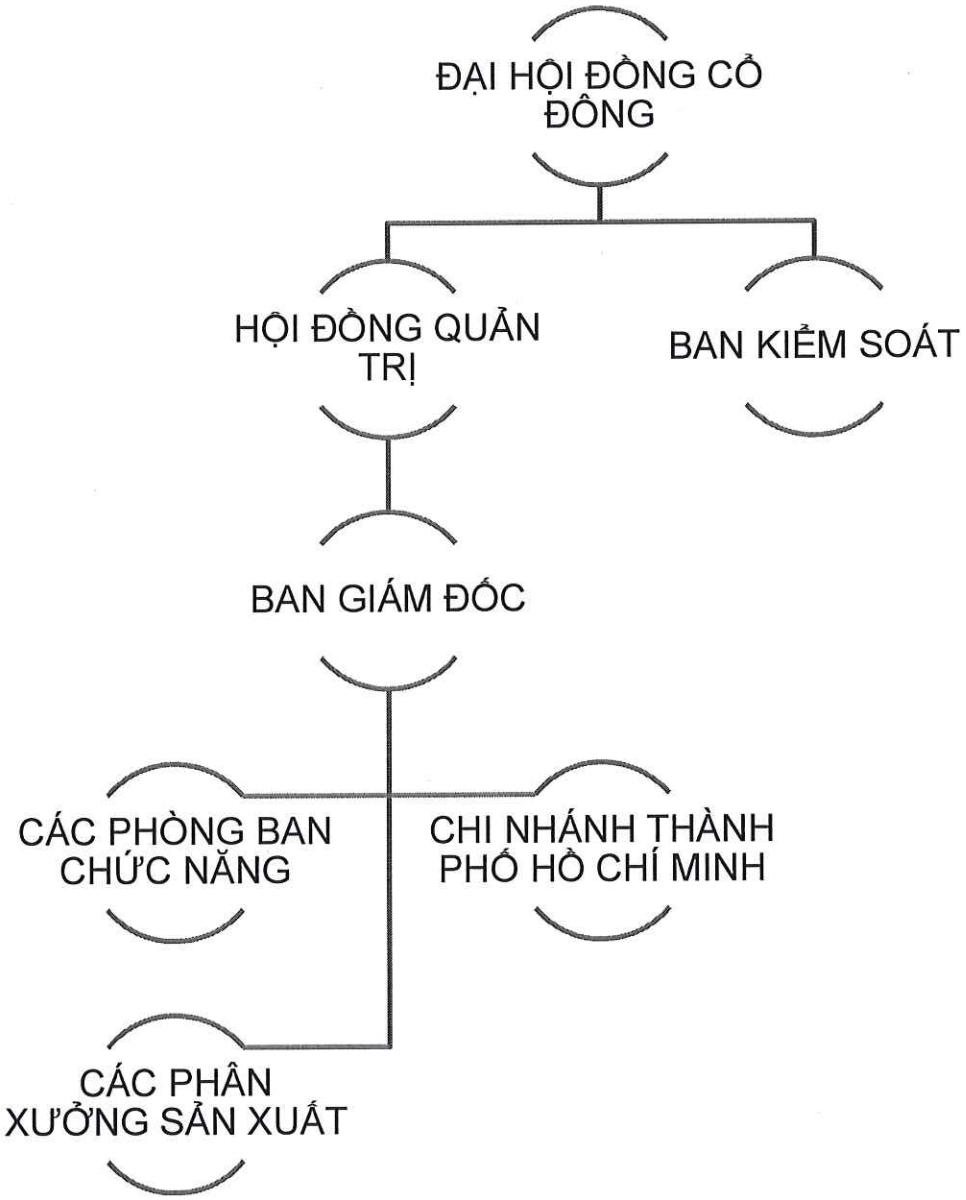

+ Cơ cấu bộ máy quản lý.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.

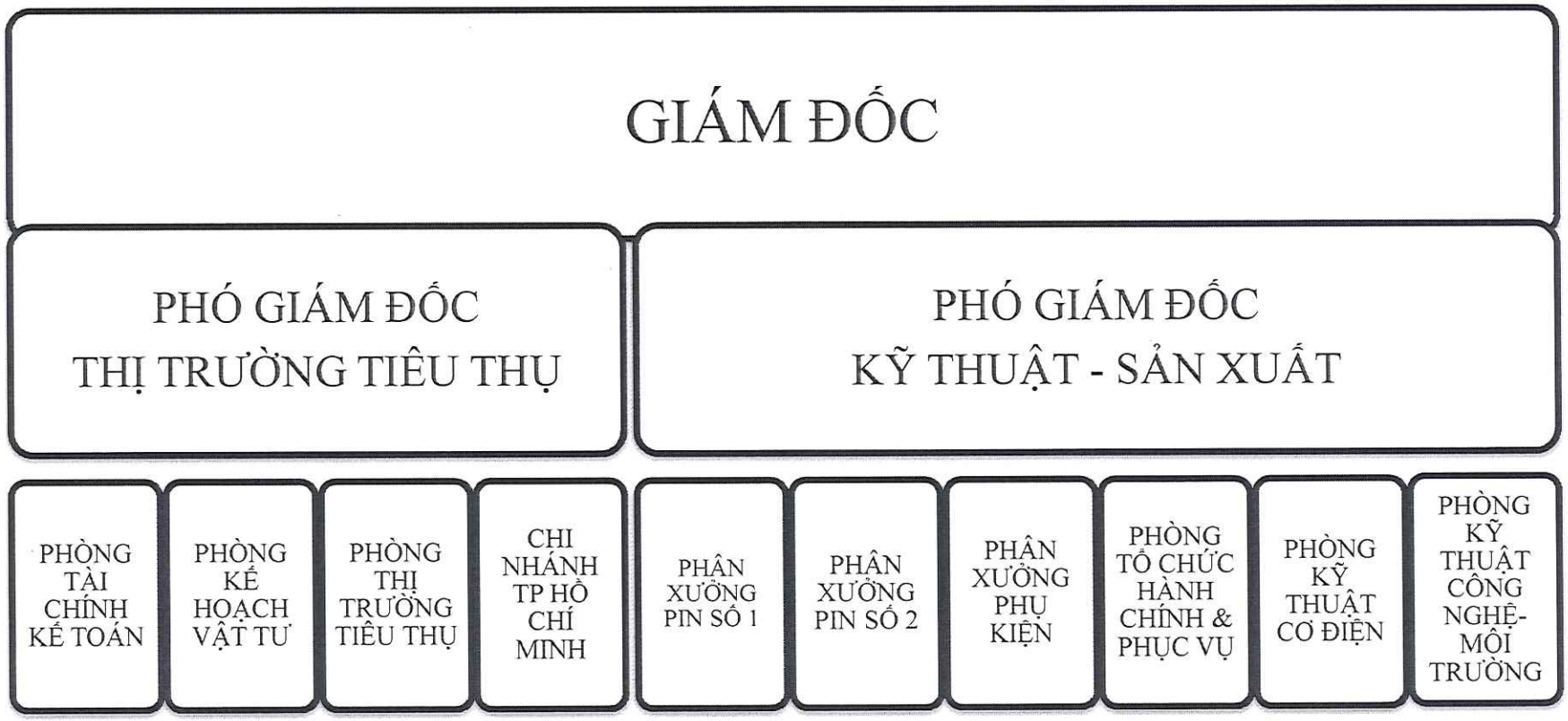

- Các công ty con, công ty liên kết

+ *Chi nhánh Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh:*

Mã số thuế 0100100752002

Địa chỉ: Số 369J An Dương Vương, P10, Q6 Tp Hồ Chí Minh

Chức năng nhiệm vụ:có chức năng giới thiệu quảng bá, tổ chức tiêu thụ sản phẩm của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía nam.

Hình thức hạch toán: Chi nhánh có con dấu và tài khoản, hạch toán phụ thuộc và hoạt động theo sự điều hành của Công ty.

+ *Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam):*

Mã số thuế: 0700761514

Địa chỉ: Đường N3 Khu C Khu Công nghiệp Hòa Mạc Huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam

Vốn điều lệ: 341.328.317.880 đồng

Hình thức sở hữu: Công ty Cổ phần Pin Hà Nội nắm giữ 7,91% vốn. Công ty TNHH Pin Quốc tế Singapore năm giữ 92,09% vốn.

Quan hệ sở hữu: Công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tập trung đầu tư cho sản phẩm pin carbon zinc để nâng cao chất lượng, nâng cao khả năng cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại trong nước và sản phẩm nhập khẩu cùng loại về chất lượng, hình thức và giá cả.
- Đẩy mạnh nghiên cứu sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường hướng tới phát triển bền vững.
- Đảm bảo hiệu quả và tuyệt đối an toàn vốn cho cổ đông, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Đảm bảo hài hòa giữa lợi ích cổ đông, lợi ích người lao động, lợi ích Nhà nước và trách nhiệm xã hội.
- Từng bước thay đổi phương thức bán hàng để dần dần có được một hệ thống bán hàng riêng của công ty tiếp cận gần hơn đến người tiêu dùng thông qua hệ thống đại lý hiện có của công ty. Tiếp cận và triển khai các phương thức bán hàng mới, hiện đại, tìm biện pháp để kích cầu đến người tiêu dùng phù hợp với đặc thù của sản phẩm, giữ thị phần và tăng thị phần tiêu thụ trong nước, tăng cường xuất khẩu tiểu ngạch.
- Nỗ lực chủ động hoặc thông qua đối tác GPBI tìm kiếm thị trường xuất khẩu chính ngạch. Tiếp tục kiện toàn và hoàn thiện các quy trình trong quản lý, có kế hoạch đầu tư và tuyển dụng hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đối với thị trường xuất khẩu.
- Phối hợp hiệu quả với đối tác GPBI triển khai quảng bá và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm pin cao cấp (mà công ty chưa sản xuất) thương hiệu GP tại thị trường Việt Nam.

- Nâng cao năng lực sản xuất, đồng bộ hóa tiêu chuẩn kẽm đồng xu nhằm đáp ứng được yêu cầu cung ứng kẽm đồng xu cho Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) qua đó hạn chế tối đa nguồn kẽm đồng xu nhập khẩu, góp phần đảm bảo tỉ trọng nội địa hóa cho các sản phẩm xuất khẩu của Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) đồng thời nâng cao hiệu quả cho phần vốn góp của Công ty vào Công ty liên doanh cũng như tối ưu hóa chi phí sản xuất khâu nấu cán kẽm của công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Về sản lượng sản xuất và tiêu thụ: Phấn đấu tăng bình quân 7%.

Biện pháp cụ thể:

- Đối với thị trường truyền thống: Bằng các biện pháp cụ thể và với sự hỗ trợ mở rộng thị trường và tăng thị phần từ GP.

Giữ vững và tăng thị trường hiện có ở trong nước, Lào và Campuchia, tăng R6 và R03 bù dắp cho R20 giảm để thị trường này tăng 5%, đến năm 2027 đạt 290 triệu viên pin các loại.

- Pin thương hiệu Kodak, xuất khẩu tại chỗ và khách hàng tiêu dùng công nghiệp: Phát huy kết quả đã đạt được của năm 2021 và 2022 phấn đấu mỗi năm tăng 10% góp phần tăng 2-3% tổng sản lượng.

- Thị trường xuất khẩu thông qua GP: Phấn đấu bình quân tăng >8%, bằng các biện pháp:

+ Duy trì, giữ vững và tăng sản lượng các thị trường hiện có.

+ Bằng mọi biện pháp đáp ứng yêu cầu nhập khẩu pin cho thị trường rất lớn của Ấn Độ và các thị trường khác.

+ Xuất khẩu pin thương hiệu "Con Thỏ" theo phân khúc tiêu dùng với mức chất lượng hiện tại theo định hướng của GP vào thị trường Đông Nam Á và Châu Phi.

- Sớm hoàn thiện công nghệ sản xuất pin không chì, thực hiện đúng lộ trình đã xây dựng trong việc sản xuất pin không chì nhắm tới mục tiêu sản phẩm của Công ty đạt tiêu chuẩn "Nhãn xanh Việt Nam" đầu tiên trong cả nước.

- Tăng thị phần với đối tượng tiêu dung pin thân thiện môi trường khi chính thức có sản phẩm thân thiện môi trường.

- Tập trung nguồn lực cùng với việc hỗ trợ của GP cho việc nghiên cứu thị trường trong nước đối với các sản phẩm cao cấp, kết hợp với thị trường đã có của GP để định hướng đầu tư sản phẩm mới theo xu thế tiêu dùng pin thông qua nhập khẩu GP tiêu thụ trong nước để đánh giá thị trường.

Về hiệu quả: Phấn đầu lợi nhuận trước thuế đạt tỷ lệ > 45%/ VĐL hiện tại; Trên cơ sở đó đảm bảo:

* Cổ tức > 25%.

* Đảm bảo tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển lợi nhuận sau thuế nhằm tích lũy cho đầu tư phát triển trong tương lai

* Giữ được tỷ lệ lợi nhuận chưa phân phối nhằm bình ổn cổ tức cho những năm lợi nhuận không đảm bảo.

* Trích cho quỹ khen thưởng và phúc lợi.

Về địa điểm sản xuất:

Duy trì địa điểm sản xuất hiện tại đến khi có được đối tác hợp tác chuyển đổi có hiệu quả hoặc khi bắt buộc phải di dời theo quy hoạch. Từng bước chủ động tìm kiếm địa điểm, xây dựng phương án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất mới phù hợp với điều kiện của Công ty.

Về quản trị doanh nghiệp:

Tiếp cận và áp dụng quản trị doanh nghiệp tiên tiến theo thông lệ quốc tế với sự hỗ trợ từ GP nhằm đáp ứng tất cả các yêu cầu của khách hàng tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở phù hợp với giá bán sản phẩm và điều kiện cụ thể của công ty.

Về vốn:

Đảm bảo an toàn về vốn.

Căn cứ mục tiêu sản lượng, căn cứ nhu cầu đầu tư thực tế xem xét tăng vốn điều lệ từ các nguồn vốn thuộc vốn chủ sở hữu của công ty hoặc biện pháp khác.

Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Chấp hành đúng pháp luật hiện hành trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của công ty.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Từ năm 2018 Công ty đã đầu tư thay đổi công nghệ nấu kẽm bằng lò điện cảm ứng thay cho lò nấu dùng dầu DO để giảm thiểu tối đa phát thải khí, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động. Cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu ngày càng cao theo Quy chuẩn Việt Nam.

Trong năm Công ty cũng đã xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn châu âu BSCI, đã được tổ chức chứng nhận Intertek của Anh đánh giá chứng nhận đạt yêu cầu.

Về dài hạn Công ty sẽ hướng tới chỉ sản xuất sản phẩm xanh đạt tiêu chuẩn " Nhãn xanh Việt Nam" và tiêu chuẩn sản phẩm xanh theo tiêu chuẩn Châu Âu và quốc tế. Ngoài ra Công ty sẽ nghiên cứu sản xuất đa dạng hóa thêm sản phẩm, đưa ra thị trường các loại sản phẩm có mức chất lượng cao hơn, đa dạng hơn để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

5. Các rủi ro:

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

- Thị trường tiêu thụ nội địa : Luôn có sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty SX pin trong nước dẫn tới không ổn định sản lượng, giá bán và doanh thu bán hàng.

- Thị trường xuất khẩu: phụ thuộc vào các đơn hàng từ cổ đông chiến lược. Chịu áp lực cạnh tranh về giá, đòi hỏi về chất lượng và mẫu mã ngày càng đa dạng. Do vậy việc công ty phải đối mặt với việc tăng hoặc giảm các đơn hàng một cách bất thường là điều khó tránh khỏi.

- Thị trường nguyên vật liệu đầu vào: Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm của Công ty nên giá cả nguyên liệu đầu vào có tác động trực tiếp đến hiệu quả SXKD của Công ty. Nguyên liệu kẽm thỏi (nguyên liệu có tỷ trọng lớn nhất trong giá thành sản phẩm) chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động của thị trường kim loại mầu thế giới với biên độ tăng giảm bất thường phụ thuộc vào nhiều yếu tố như chính sách vĩ mô của các nước công nghiệp phát triển, nguồn cung ứng nguyên liệu cho ngành công nghiệp luyện kim... Ngoài ra các chủng loại nguyên liệu khác bao gồm có nguồn gốc nhập khẩu cũng như nội địa cũng chịu những ảnh hưởng trực tiếp từ các chính sách về môi trường, về năng lượng, về thuế quan…

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với

các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19,913,084,405	-	-	19,913,084,405
Phải thu khách hàng, phải thu khác	15,713,755,199	-	-	15,713,755,199
Các khoản cho vay	44,000,000,000	-	-	44,000,000,000
	79,626,839,604	**-**	**-**	**79,626,839,604**
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9,411,735,596	-	-	9,411,735,596
Phải thu khách hàng, phải thu khác	15,266,767,424	-	-	15,266,767,424
Các khoản cho vay	31,000,000,000	-	-	31,000,000,000
	55,678,503,020	**-**	**-**	**55,678,503,020**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	4,994,435,062	-	-	4,994,435,062
Phải trả người bán, phải trả khác	34,253,000,415	-	-	34,253,000,415
Chi phí phải trả	2,926,708,651	-	-	2,926,708,651
	42,174,144,128	**-**	**-**	**42,174,144,128**
Tại ngày 01/01/2024				
Phải trả người bán, phải trả khác	10,288,577,697	-	-	10,288,577,697
Chi phí phải trả	3,132,416,693	-	-	3,132,416,693
	13,420,994,390	**-**	**-**	**13,420,994,390**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm.

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2024 (HĐQT điều chỉnh ngày 31/10)	Thực tế		Tăng, giảm 2024/2023	Chênh lệch (%)	
			Năm 2023	Năm 2024		So với KH	So với 2023
1/ Sản xuất	*1000 v*	370.000	338.103	358.130	20.03	97%	106%
2/ Tiêu thụ	*1000 v*	370.000	327.916	361.609	33.69	98%	110%
Tổng hợp tiêu thụ							
TS tiêu thụ Con thỏ + Kodak	*1000 v*		287.728	302.369	14.64		105%
TS tiêu thụ XK GP	*1000 v*		40.188	59.239	19.05		147%
Tổng doanh thu	Tỷ VND	469.40	432.06	456.81	24.75	97%	106%
4/ Lợi nhuận	Tỷ VND	76.50	63.94	73.19	9.24	96%	114%

Đánh giá:

Trong năm, do tác động của cơn bão số 3 ở toàn bộ các tỉnh thành phía Bắc và Bắc Trung bộ cũng như một số yếu tố bất lợi khác dẫn đến nhu cầu tiêu thụ nội địa giảm, HĐQT đã xem xét điều chỉnh kế hoạch SXKD, xác định mục tiêu mới phù hợp với tình hình thực tế.

Kết quả hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2024 mặc dù có sự tăng trưởng đáng kể so với năm 2023 ở hầu hết các chỉ tiêu cơ bản tuy nhiên chưa hoàn thành kế hoạch được HĐQT điều chỉnh ngày 31/10.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

+ Ông Nguyễn Thanh Hùng Chức vụ UV HĐQT - Giám đốc

Năm sinh 1963 Trình độ Kỹ sư chế tạo máy; Kỹ sư quản trị kinh doanh

Số cổ phần sở hữu: 117.980 cổ phần

+ Ông Nguyễn Cao Sơn Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1966 Trình độ Kỹ sư Điện hóa

Số cổ phần sở hữu: 7.723 cổ phần

+ Ông Võ Khánh Toàn: Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1973 Trình độ: cử nhân Quản trị kinh doanh

Số cổ phần sở hữu: 18.600 cổ phần

+ Bà Nguyễn Thị Thùy Dương Chức vụ Kế toán trưởng

Năm sinh 1982 Trình độ: Cử nhân Tài chính Kế toán

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management:* Trong năm không có thay đổi nhân sự trong ban điều hành.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- Lao động sử dụng bình quân: 268,6 người.

- Lao động nghỉ chế độ; chấm dứt hợp đồnglao động: 17 người

- Lao động tuyển dụng mới: 11 người

- Tổng chi phí cho người lao động (bao gồm tổng quỹ lương và Cơm ca): 47,97 tỷ đồng; Thu nhập bình quân 14,88 trđ/người/tháng tăng 18% so với năm 2023.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Stt	Mã tài sản	Tên tài sản	Ngày tăng	Nguyên giá	Diễn giải
		Máy móc, thiết bị		797,228,979	
1	TSCD991	Máy nén khí trục vít 22Kw/30HP số 1	01/09/2024		Mua mới
2	TSCD992	Máy nén khí trục vít 22Kw/30HP số 2	01/09/2024		Mua mới
3	TSCD994	Máy dán nhãn nhôm 600c/p	14/11/2024		Mua mới
4	TSCD995	Máy mài Okamoto 4x8	01/12/2024		Máy mài Okamoto 4x8
5	TSCD996	Máy ép vỉ bán tự động số 1/2024	01/12/2024		Mua mới
6	TSCD997	Máy ép vỉ bán tự động số 2/2024	01/12/2024		Mua mới
	L05	TSCĐ hữu hình khác		1,982,955,129	
7	TSCD965	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	31/12/2024		nâng cấp bổ sung hệ thống PCCC
8	TSCD990	Hệ thống bơm nước Phòng cháy chữa cháy	01/08/2024		Mua mới
9	TSCD993	Hệ thống trạm xử lý nước thải	30/09/2024		Mua mới
10	TSCDCN01	Xe ô tô tải VAN 750kg	12/01/2024		Mua mới
		Tổng cộng:		**2,780,184,108**	

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam):

· Mã số thuế: 0700761514

· Địa chỉ: Đường N3, Khu C, Khu công nghiệp Hoa Mạc, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam

· Vốn điều lệ: 341 tỷ 328 triệu VND

· Hình thức sở hữu: Công ty Cổ phần Pin Hà Nội sở hữu 7,91% vốn. Công ty TNHH Pin Quốc tế GP (GP Batteries International Limited) sở hữu 92,09% vốn.

· Quan hệ sở hữu: Công ty liên kết.

Kết quả sản xuất và kinh doanh năm tài chính 2024-25 (Kết thúc vào 31/3/2025) - Dự kiến:

· Doanh thu: 367,2 tỷ VND

· Tổng giá trị tài sản cố định: 248 tỷ VND; Khấu hao lũy kế: 105,3 tỷ VND

· Lợi nhuận tạo ra: 18,9 tỷ VND

· Lỗ lũy kế: 77,7 tỷ VND (báo cáo đã kiểm toán)

Thuận lợi trong năm 2024:

· Sản lượng tăng khoảng 14,6% so với năm trước.

· Nhà máy có nhiều cải tiến để giảm phế liệu.

· Khoản vay từ cổ đông được chuyển thành vốn, giúp cải thiện dòng tiền và giảm chi phí lãi vay.

Khó khăn trong năm 2024:

· Giá phôi kẽm cao.

· Bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn của thị trường toàn cầu do chiến tranh và nhu cầu yếu từ lạm phát.

· Chi phí lãi vay cao.

Kế hoạch cho năm 2025:

· Sản lượng: 308,1 triệu sản phẩm, giảm 6% so với năm 2024.

· Doanh thu: 359,6 tỷ VND, giảm 2% so với năm 2024.

· Lợi nhuận: 22,9 tỷ VND.

· Lỗ lũy kế: 54,8 tỷ VND

· Nhân sự: Số lượng nhân viên hiện tại: 167 người trong nước và 1 người nước ngoài.

Thuận lợi trong năm 2025:

· Nhà máy tiếp tục thực hiện các dự án tiết kiệm chi phí, chủ yếu là nội địa hóa nguồn nguyên liệu và tự động hóa.

Khó khăn trong năm 2025:

· Sản lượng không ổn định do tình hình thị trường bất định.

· Thách thức trong việc chuyển đổi sang sản phẩm không chì cho tất cả khách hàng.

· Chi phí lao động tăng mạnh.

· Hewei, một nhà sản xuất pin lớn của Trung Quốc, xây dựng nhà máy tại Hải Phòng, gây bất ổn tiềm tàng đối với đơn hàng xuất khẩu của VNGP.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	5,39	3,16	lần
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	2,15	1,50	lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	15,38	26,58	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	18,17	36,20	%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	4,30	3,77	lần
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,44	2,15	lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	12,04	13,01	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	34,79	38,08	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài	29,44	27,96	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	15,01	15,96	%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 7.253.911 cổ phần

Số lượng CP chuyển nhượng tự do: 7.253.911 cổ phần

Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông pháp nhân: 9 tổ chức nắm giữ 3.708.381 cp tương ứng 51,12% tổng số cp

Trong đó: 01 cổ đông lớn

GP BATTERIES INTERNATIONAL LIMITED sở hữu: 3.554.233 Cp tương ứng 49%

Cổ đông thể nhân: 320 người sở hữu **3.545.581 CP tương ứng 48.88%**

Trong đó 02 cổ đông lớn:

Ông Phạm Văn Nghĩa sở hữu: **364.350** CP tương ứng 5,02%

Ông Lê Xuân Lương sở hữu: **426.300 CP** tương ứng 5,88%

Cổ đông trong nước: 316 cổ đông sở hữu **3.688.398 CP tương ứng 50,85%**

Cổ đông nước ngoài: 13 cổ đông sở hữu **3.565.513 CP tương ứng 49,15%**

Ghi chú: Số liệu nêu trên căn cứ vào danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức chốt ngày 27 tháng 12 năm 2024 do Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập ngày 31 tháng 12 năm 2024.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: ***Không có***

e) Các chứng khoán khác: **Không có**

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Giá trị vật liệu chính dùng cho sản xuất năm 2024: 245,9 tỷ đồng

- Giá trị vật liệu phụ dùng cho sản xuất năm 2024: 23,6 tỷ đồng

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

- Tổng số lượng kẽm được tái chế cho sản xuất Pin trong năm 2024: 13 tấn từ tận thu tái sử dụng nguyên liệu.

- Tổng số lượng bột cực dương được tái chế cho sản xuất Pin trong năm 2024: 20 tấn từ tận thu tái sử dụng nguyên liệu.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Tổng tiêu thụ điện năm 2024: 2.296.500 Kw tương đương 107% mức tiêu thụ điện năm 2023.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Công ty sử dụng nước sạch do Công ty cổ phần Viwaco cung cấp.

- Tổng lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty ước tính 65 m3/ ngày.

- Tổng tiêu thụ nước trong năm 2023: *18.927 m3*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

- Số nước tái sử dụng là 20 m3/ngày ở khâu nấu cán kẽm liên hoàn. Với 300 ngày sản xuất trong năm, lượng nước tái sử dụng chiếm tỷ lệ 24% tổng lượng nước sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

- Trong năm công ty không có lần nào bị xử phạt do không tuân thủ Luật pháp về bảo vệ môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Lao động sử dụng bình quân: 268,6 người.

- Lao động nghỉ chế độ; chấm dứt hợp đồnglao động: 17 người

- Lao động tuyển dụng mới: 11 người

- Tổng chi phí cho người lao động (bao gồm tổng quỹ lương và Cơm ca): 47,97 tỷ đồng; Thu nhập bình quân 14,88 trđ/người/tháng tăng 18% so với năm 2023.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Tổng chi phí bồi dưỡng tại chỗ bằng hiện vật và chống nóng cho người lao động năm 2024: 414,3 triệu đồng

- Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2024: 378,6 triệu đồng

- Công ty duy trì tổ chức khám sức khỏe định kỳ đúng hạn cho toàn thể CBCNV qua đó bố trí sắp xếp việc làm phù hợp với điều kiện sức khỏe của từng NLĐ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

T	Nội dung đào tạo	Số người	Số giờ	Tổng số giờ
1	Huấn luyện Phòng cháy chữa cháy, Thực tập thoát hiểm	25	8	200
2	Huấn luyện phương án sử lý sự cố hóa chất	9	8	72
3	Huấn luyện ATVSLĐ cho người sử dụng lao động (Nhóm 1)	21	8	168
4	Huấn luyện ATVSLĐ cho cán bộ chuyên trách ATLĐ	1	16	16
5	Huấn luyện ATVSLĐ xe nâng hàng (nhóm 3)	11	12	132
6	Huấn luyện ATVSLĐ thiết bị nâng hạ (nhóm 3)	32	12	384
7	Huấn luyện ATVSLĐ Điện, hàn điện, hàn hơi (nhóm 3)	16	12	192
8	Huấn luyện ATVSLĐ Thiết bị áp lực (nhóm 3)	24	12	288
9	Huấn luyện ATVSLĐ cho mạng lưới ATVSV (nhóm 6)	26	12	312
10	Huấn luyện ATVSLĐ cho người lao động (nhóm 4)	122	8	976
11	Đào tạo nâng bậc lương	34	8	272
12	Đào tạo tuyển dụng	5	8	40
13	Đào tạo hướng dẫn kiểm tra An toàn và độ tin cậy	3	8	24
14	Hướng dẫn vận hành thiết bị sử lý nước thải sinh hoạt	11	8	88
15	Hướng dẫn sản xuất pin đơn	30	8	240
		370		**3.404**

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

+ Nội dung đào tạo gồm đào tạo làm việc theo hướng dẫn công việc, đào tạo nội qui lao động, qui chế công ty, phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hướng dẫn ghi biểu mẫu, hướng dẫn thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị, nhận thức về ISO9001:2015; ISO14001:2015; Hệ thống Trách nhiệm xã hội BSCI , Hệ thống đánh giá nội bộ. Đào tạo huấn luyện về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn ứng phó sự cố… Ngoài ra Công ty thường xuyên cử cán bộ nhân viên nghiệp vụ tham gia các lớp tập huấn về chế độ chính sách mới. Các lớp bồi dưỡng về kỹ năng bán hàng, marketing, phát triển thị trường cũng được công ty quan tâm tổ chức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

- Công ty tích cực tham gia ủng hộ các hoạt động hỗ trợ của địa phương nơi Công ty đặt trụ sở

- Tổng số tiền tham gia các quỹ xã hội, từ thiện trong năm 2024: 250 triệu đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2024 (HĐQT điều chỉnh ngày 31/10)	Thực tế		Tăng, giảm 2024/2023	Chênh lệch (%)	
			Năm 2023	Năm 2024		So với KH	So với 2023
1/ Sản xuất	*1000 v*	370.000	338.103	358.130	20.03	97%	106%
2/ Tiêu thụ	*1000 v*	370.000	327.916	361.609	33.69	98%	110%
Tổng hợp tiêu thụ							
TS tiêu thụ Con thỏ + Kodak	*1000 v*		287.728	302.369	14.64		105%
TS tiêu thụ XK GP	*1000 v*		40.188	59.239	19.05		147%
Tổng doanh thu	Tỷ VND	469.40	432.06	456.81	24.75	97%	106%
4/ Lợi nhuận	Tỷ VND	76.50	63.94	73.19	9.24	96%	114%

Đánh giá:

1.1 Đánh giá kết quả sản xuất:

Công tác tổ chức sản xuất năm 2024 đạt yêu cầu, đáp ứng kịp thời đầy đủ số lượng và chất lượng sản phẩm cho tiêu thụ nội địa và xuất khẩu tại mọi thời điểm trên cơ sở tổ chức sản xuất hợp lý, phù hợp với kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa MMTB, cân đối đảm đủ việc làm, thu nhập hài hòa giữa các PXSX khi cơ cấu tiêu thụ sản phẩm thay đổi.

Tình hình lao động và việc làm trong năm được đảm bảo, lao động sử dụng bình quân trong năm 269 người, thu nhập bình quân của Người lao động đạt 14,88 triệu đồng/người/tháng. So với năm 2023 tăng 2 triệu đồng tương ứng 18 %.

Công ty đã chủ động áp dụng hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn Châu Âu BSCI đối với người lao động, được tổ chức quốc tế Intertek đánh giá định kỳ hàng năm.

Các chính sách đối với người lao động được Công ty tuân thủ theo BSCI, Luật lao động, NQLĐ và Thỏa ước lao động tập thể. Các quyền lợi, chế độ, chính sách đãi ngộ đối với người lao động (Như: Tham quan nghỉ mát; thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ; khen thưởng con CBCNV đỗ đại học và đạt danh hiệu học sinh giỏi; trợ cấp CBCNV có hoàn cảnh khó khăn…), điều kiện làm việc được đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật và của Công ty. Nhờ vậy người lao động trong Công ty có tâm lý yên tâm làm việc, tâm huyết và gắn bó với Công ty.

1.2 Đánh giá kết quả tiêu thụ:

a/ Đối với thị trường truyền thống:

Thị trường Nội địa: Tổng sản lượng tiêu thụ tại thị trường truyền thống bao gồm Nội địa, Lào và Campuchia tăng 6% so với năm 2023 do 1 số nguyên nhân:

Pin R20 tiếp tục đà suy giảm theo xu thế, năm 2024 giảm 6,7 % so với năm 2023. Tốc độ suy giảm cao hơn so với năm 2023 (Năm 2022 giảm 5,4%) do xu thế tiêu dùng và sự cạnh tranh gay gắt tại Thị trường Lào, Campuchia. Cụ thể Thị trường Lào gặp nhiều khó khăn: Đồng tiền KIP biến động nhiều ảnh hưởng đến phương án giá của Đại lý cũng như sức mua của người tiêu dùng, đối thủ cạnh tranh có chính sách giảm giá sâu gây áp lực với sản phẩm của Công ty. Thị trường trong nước cơ bản ổn định sản lượng thực hiện năm 2024 tăng 2% so với 2023.

Pin R6 suy giảm 2,5 %:

Trong đó Q1 và Q2 tăng trưởng 6,6%, Q4 tăng 4,9%, riêng Q3 (thông thường là Quí có qui mô sản lượng tiêu thụ lớn nhất trong năm) do ảnh hưởng nặng nề từ cơn bão số 3 tại hầu khắp các tỉnh thành trên toàn Miền Bắc và Bắc Trung Bộ dẫn đến sản lượng giảm gần 20% so với năm 2023. Do vậy tổng cả năm 2024 sản lượng R6 giảm 2,5% so với năm 2023. Nhìn chung, thị phần của sản phẩm R6 nhãn hiệu Con Thỏ của Công ty vẫn được giữ vững.

Pin R03 tăng 50,5% so với năm 2023 do tác động của một số nguyên nhân:

6 tháng đầu năm 2024 tốc độ tăng trưởng rất tốt trên toàn bộ thị trường. Tỷ lệ tăng phổ biến từ 80% đến hơn 100% ở tất cả các khu vực thị trường. Nguyên nhân chính gồm:

Về mặt chủ quan:

- Pin R03 nhãn hiệu Con Thỏ có chất lượng tốt, ổn định không thua kém bất cứ sản phẩm nào khác trên thị trường đã đã được người tiêu dùng kiểm chứng thực tế và chấp nhận.
- Sản lượng cung ứng cho thị trường đảm bảo, tuyệt đối không bị ngắt quãng không bị thiếu hàng.
- Chính sách giá và chính sách chiết khấu tốt đảm bảo khả năng cạnh tranh của R03 Con Thỏ so với các sản phẩm khác ngoài ra cũng đảm bảo lợi ích của hệ thống phân phối.

Về mặt khách quan:

- Từ cuối năm 2023 xuất hiện một loại đồ chơi mới sử dụng pin R03 thu hút thị hiếu của người tiêu dung dẫn đến nhu cầu pin R03 tăng đột biến.
- Những tháng đầu năm Pin giá rẻ nhập khẩu không chính ngạch bị đứt gẫy nguồn cung ứng từ nước ngoài tạo cơ hội cho Pin Con Thỏ phủ rộng hơn trên thị trường.
- Nguồn cung ứng cho thị trường của một số thương hiệu khác cũng không ổn định trong giai đoạn đầu năm tạo cơ hội cho sản phẩm R03 Con Thỏ mở rộng thị phần.

b/ Đối với khách hàng Kodak

Sản phẩm Kodak xuất khẩu gián tiếp vào Thị trường Hoa Kỳ được duy trì và có sự tang trưởng tốt. Từ Q4 năm 2024, phía khách hàng chủ động chỉ định Công ty thành viên của tập đoàn GP làm nhà nhập khẩu nhãn hàng Kodak thay thế cho đối tác cũ là Công ty thương mại Việt Nam.

c/ Đối với xuất khẩu

Xuất khẩu tại chỗ:

Sản lượng xuất khẩu vào các khu chế xuất giảm 34,5% do các nhà máy tại các khu chế xuất điều chỉnh cơ cấu sản phẩm theo đó giảm các sản phẩm có sử dụng pin R03 và R6. Tuy nhiên qui mô sản lượng xuất khẩu gián tiếp là khá nhỏ chỉ tương đương 2-3% tổng sản lượng của Công ty nên mức sụt giảm này không tác động quá nhiều vào tổng sản lượng tiêu thụ trong năm 2024.

Xuất khẩu qua GP:

Sản lượng có sự phục hồi đáng kể, Tổng sản lượng xuất khẩu qua GP tăng 40 % so với năm 2023, trong đó có 1 phần nguyên nhân GP được chỉ định làm đối tác xuất khẩu nhãn Kodak từ Q4 năm 2024.

Mặt khác Dự án xuất khẩu Pin vào Ấn độ đã có những thành công bước đầu, từ đầu Q3/2024 Công ty đã xuất khẩu những đơn hàng đầu tiên vào Thị trường Ấn Độ và được khách hàng đón nhận về chất lượng sản phẩm, chất lượng ngoại quan và giá cả. Sản lượng xuất khẩu vào Ấn Độ chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng sản lượng xuất khẩu thông qua GP. Đây là tiền đề quan trọng cho những năm tiếp theo để công ty có thể thúc đẩy mở rộng qui mô sản lượng xuất khẩu thông qua GP.

d/ Đối với Pin thương hiệu GP nhập khẩu tiêu thụ tại thị trường Việt Nam

Công ty đã hợp tác chặt chẽ với đối tác trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự bán hàng, từng bước mở rộng thị trường thông qua việc mở mới các nhà phân phối cho kênh bán hàng siêu thị, nhà sách... Đối tác GP cung cấp nguồn lực tài chính đảm bảo xây dựng được bước giá và chính sách chiết khấu phù hợp với diễn biến thị trường đảm bảo khả năng cạnh tranh của sản phẩm cũng như quảng bá được thương hiệu hình ảnh sản phẩm đến thị trường. Đối tác GP tiếp tục đầu tư nguồn lực tài chính và nhân sự cho hoạt động Marketing nhằm mở rộng qui mô tiêu thụ nhãn hàng GP tại Việt Nam. Doanh thu tiêu thụ sản phẩm GP Nhập khẩu tăng 31,7% so với năm 2023 là tín hiệu khá tích cực tuy nhiên đóng góp không nhiều vào tổng doanh thu cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

1.3 Chỉ tiêu doanh thu:

Tổng doanh thu đạt: 456,8 tỷ đồng, tăng 24,2 tỷ đồng so với năm 2023, giảm 26,8 tỷ so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	422,316,025,664	391,752,235,210
Doanh thu bán hàng hóa	10,131,771,021	7,691,182,312
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	21,040,024,304	29,226,048,421
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3,318,612,864	3,388,999,359
	456,806,433,853	**432,058,465,302**

1.4 Về chỉ tiêu Hiệu quả:

Mục tiêu năm 2024 đề ra tại Nghị quyết ĐHĐ Cổ đông là 69,5 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế,

Kết quả lợi nhuận trước thuế cả năm đạt 73,2 tỷ đồng, tăng 3,7 tỷ đồng so với NQ ĐHĐCĐ, tăng 9,2 tỷ so với năm 2023 và giảm 3,3 tỷ đồng so với kế hoạch điều chỉnh của HĐQT.

Nguyên nhân chủ yếu do giá nguyên liệu đầu vào chiếm tỉ trọng lớn trong giá thành như Kẽm thỏi, Măng gan điện giải giữ bình ổn ở mức thấp hơn dự báo kế hoạch.

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn điều lệ đạt 100,9%.

1.5 Nộp ngân sách Nhà nước: Tổng nộp ns năm 2024: 37,6 tỷ đồng tăng 5,1 tỷ đồng so với năm 2023.

1.6 Về đầu tư:

Danh mục đầu tư hoàn thành năm 2024

Stt	Mã tài sản	Tên tài sản	Ngày tăng	Nguyên giá	Diễn giải
		Máy móc, thiết bị		797,228,979	
1	TSCD991	Máy nén khí trục vít 22Kw/30HP số 1	01/09/2024		Mua mới
2	TSCD992	Máy nén khí trục vít 22Kw/30HP số 2	01/09/2024		Mua mới
3	TSCD994	Máy dán nhãn nhôm 600c/p	14/11/2024		Mua mới
4	TSCD995	Máy mài Okamoto 4x8	01/12/2024		Máy mài Okamoto 4x8
5	TSCD996	Máy ép vỉ bán tự động số 1/2024	01/12/2024		Mua mới
6	TSCD997	Máy ép vỉ bán tự động số 2/2024	01/12/2024		Mua mới
	L05	TSCĐ hữu hình khác		1,982,955,129	
7	TSCD965	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	31/12/2024		nâng cấp bổ sung hệ thống PCCC
8	TSCD990	Hệ thống bơm nước Phòng cháy chữa cháy	01/08/2024		Mua mới
9	TSCD993	Hệ thống trạm xử lý nước thải	30/09/2024		Mua mới
10	TSCDCN01	Xe ô tô tải VAN 750kg	12/01/2024		Mua mới
		Tổng cộng:		**2,780,184,108**	

Các hạng mục mới đầu tư đã đưa vào vận hành, khai thác phát huy hiệu quả ngay trong quá trình sử dụng.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	126,456,149	69,724,788
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14,913,084,405	9,411,735,596
Các khoản tương đương tiền	5,000,000,000	-
	20,039,540,554	**9,481,460,384**

PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***6,644,460,915***	-	***2,938,108,736***	-
- Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	118,641,267	-	315,837,190	-
- GPI International Limited	6,525,819,648	-	-	-
- GP Battery Marketing (HK) Limited	-	-	2,622,271,546	-
Bên khác	***5,826,901,845***	***(29,850,885)***	***9,551,144,157***	***(336,505,556)***
- Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu	908,792,720	-	-	-
- Nguyễn Thị Cúc	671,246,704	-	841,300,277	-
- Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ Toàn Cầu	1	-	2,293,049,089	-
- Phải thu khách hàng khác	4,246,862,420	(29,850,885)	6,416,794,791	(336,505,556)
	12,471,362,760	**(29,850,885)**	**12,489,252,893**	**(336,505,556)**

TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	***1,022,460,725***	-	***118,270,310***	-
- PINGXIANG SHI CHENGTAI TRADING CO.,LTD	906,228,419	-	-	-
- Công ty Cổ phần kim loại màu Thái Nguyên VIMICO	60,407,437	-	27,883,438	-
- Công ty TNHH INTERTEK	48,803,969	-	30,759,292	-
- Các đối tượng khác	7,020,900	-	59,627,581	-
	1,022,460,725	-	**118,270,310**	-

PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về lãi tiền gửi	1,320,049,315	-	836,375,340	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	199,790,964	-	196,894,999	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	27,396,870	-	20,613,568	-
- Phải thu về bảo hiểm thất	17,328,920	-	15,466,497	-
- Tạm ứng	265,656,304	-	221,980,411	-
- Ký cược, ký quỹ	1,255,700,000	-	1,315,700,000	-
- Phải thu khác	156,470,066	-	170,483,716	-
	3,242,392,439	-	**2,777,514,531**	-

NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:				
- Công ty Thương mại Dịch vụ Hải Dương	-	-	51,540,380	-
- Mai Ngọc Hoà	-	-	29,360,789	-
- Các khoản khác	29,850,885	-	255,604,387	-
	29,850,885	**-**	**336,505,556**	**-**

HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	72,343,683,508	(240,047,728)	67,122,661,016	(240,047,728)
Công cụ, dụng cụ	58,309,321	-	79,365,883	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2,991,849,757	-	3,169,797,328	-
Thành phẩm	13,200,513,054	-	14,721,419,847	-
Hàng hoá	3,714,740,709	-	1,720,210,075	-
	92,309,096,349	**(240,047,728)**	**86,813,454,149**	**(240,047,728)**

XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí xin cấp giấy phép	**402,861,600**	**-**
- Chi phí làm Giấy phép môi trường	402,861,600	-
Mua sắm tài sản cố định	**2,353,438,008**	**-**
- Hệ thống dây chuyền máy đóng gói pin R6 650 (*)	2,353,438,008	-
	2,756,299,608	**-**

(*) Tháng 11/2024, Công ty mua sắm Hệ thống dây chuyền máy đóng gói pin R6 650 của Công ty Pingxiang Shi Chengtai Trading Co.,Ltd với tổng giá trị hợp đồng 672.800 NDT. Tại thời điểm 31/12/2024, Hệ thống đã được lắp đặt và đang trong quá trình chạy thử, dự kiến sẽ đi vào hoạt động chính thức trong quý I năm 2025.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	310,946,712
Số dư cuối năm	**310,946,712**
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	106,148,280
- Khấu hao trong năm	21,370,272
Số dư cuối năm	**127,518,552**
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	204,798,432
Tại ngày cuối năm	**183,428,160**

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 97.244.000 VND

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	**Cộng**
	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11,895,731,167	56,617,645,497	6,480,452,415	455,113,364	75,448,942,443
- Mua trong năm	-	2,405,372,591	374,811,517	-	2,780,184,108
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(340,333,333)	-	(340,333,333)
Số dư cuối năm	**11,895,731,167**	**59,023,018,088**	**6,514,930,599**	**455,113,364**	**77,888,793,218**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11,895,731,167	47,112,550,095	5,646,987,899	405,906,387	65,061,175,548
- Khấu hao trong năm	-	3,763,029,254	240,711,021	27,330,985	4,031,071,260
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(340,333,333)	-	(340,333,333)
Số dư cuối năm	**11,895,731,167**	**50,875,579,349**	**5,547,365,587**	**433,237,372**	**68,751,913,475**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	9,505,095,402	833,464,516	49,206,977	10,387,766,895
Tại ngày cuối năm	**-**	**8,147,438,739**	**967,565,012**	**21,875,992**	**9,136,879,743**

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 46.463.469.002 VND.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/

- Phân tích nợ xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay '

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	77,759,748	75,713,767
Chi phí mua bảo hiểm	26,462,719	21,419,104
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	319,167,676	164,692,229
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	115,079,167	129,145,833
	538,469,310	**390,970,933**
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	345,132,996	347,330,067
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	1,217,407,513	1,095,419,093
Chi phí trả trước dài hạn khác	146,612,827	108,860,253
	1,709,153,336	**1,551,609,413**

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***1,294,232,356***	***1,294,232,356***	***535,759,267***	***535,759,267***
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	1,294,232,356	1,294,232,356	535,759,267	535,759,267
Bên khác	***12,186,732,382***	***12,186,732,382***	***7,909,680,633***	***7,909,680,633***
V-RESOURCE LIMITED	6,662,745,600	6,662,745,600	3,319,920,000	3,319,920,000
GUANGXI GUILIU NEW MATERIAL	3,990,555,180	3,990,555,180	3,287,908,800	3,287,908,800
Phải trả nhà cung cấp khác	1,533,431,602	1,533,431,602	1,301,851,833	1,301,851,833
	13,480,964,738	**13,480,964,738**	**8,445,439,900**	**8,445,439,900**

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	15,285,792,474	15,285,792,474	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	477,650,448	-	405,515,635	326,234,188	398,369,001	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	5,396,747,169	15,063,343,407	15,532,790,258	-	4,927,300,318
Thuế Thu nhập cá nhân	-	591,654,645	1,527,022,025	2,040,643,714	-	78,032,956
Thuế Tài nguyên	-	-	4,033,250	4,033,250	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	4,299,561,469	4,299,561,469	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4,000,000	4,000,000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3,472,527	119,873,923	118,990,244	-	4,356,206
	477,650,448	**5,991,874,341**	**36,709,142,183**	**37,612,045,597**	**398,369,001**	**5,009,689,480**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại	1,974,152,762	1,574,994,873
Chi phí phải trả khác	952,555,889	1,557,421,820
	2,926,708,651	**3,132,416,693**

PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	154,230,024	85,316,284
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5,815,781,542	1,522,395,014
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	14,524,907,000	49,513,500
Phải trả phụ cấp Hội đồng quản trị không tham gia điều hành	141,000,000	111,000,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	136,117,111	74,912,999
	20,772,035,677	**1,843,137,797**

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

+ Về cơ cấu tổ chức:

Công ty đã xây dựng và tiếp tục hoàn thiện mô hình công ty cổ phần với mục tiêu đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và các yêu cầu quản trị doanh nghiệp đối với công ty niêm yết.

+ Về công nghệ và quản lý chất lượng:

Hệ thống quản lý chất lượng ISO9001:2015 vẫn được duy trì và thường xuyên được kiểm toán đánh giá nội bộ, qua kiểm toán nội bộ đã phát hiện chỉ ra những điểm không phù hợp, những lỗi của người lao động để từ đó xử lý vi phạm và đề ra ngay biện pháp khắc phục phòng ngừa và cải tiến nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống.

Nhờ thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, quản lý sản xuất và định mức vật tư nên trong năm không để xảy ra sự cố chất lượng sản phẩm ở mức độ nghiêm trọng, tỷ lệ phế phẩm đạt mục tiêu và sử dụng định mức vật tư đúng quy định tại tất cả các đơn vị sản xuất. Pin xuất khẩu và pin nội địa đều đạt tiêu chuẩn và yêu cầu của khách hàng

Từ năm 2020, Công ty đã sản xuất nhiều lô pin R6 xuất khẩu theo tiêu chuẩn IEC60086-2:2015 và đều đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn và yêu cầu của khách hàng.

Đã hoàn thành các bước nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, đánh giá nghiệm thu sản phẩm pin không chì tại Công ty và tại STC – Trung tâm kỹ thuật Singapore. Từ ngày 30/11/2024, Công ty đã chính thức không sử dụng chì trong sản xuất pin để sản xuất pin không chì.

Trong năm Công ty đã nghiên cứu cải tiến sản phẩm pin nhãn nhôm R6 & R03 dán trực tiếp vào pin đơn bỏ màng co trong để nâng cao chất lượng về ngoại quan và chống rò rỉ, giảm được giá thành so với công nghệ sản xuất pin nhãn nhôm cũ. Công ty đã cải tiến máy lắp đáy giả để lắp trực tiếp vào pin đơn sau dán nhãn nhôm thành dây chuyền pin nhãn nhôm liên hoàn từ máy tra đáy giả hiện có, giảm chi phí so với đầu tư máy mới và tăng năng suất lao động.

Thiết kế, chế tạo thêm 01 dây chuyền ép bìa vỉ bán tự động để nâng cao năng lực sản xuất pin ép bìa vỉ theo nhu cầu của khách hàng.

+ Về vấn đề môi trường:

Công ty luôn quan tâm và thực hiện nghiêm túc việcduy trì công tác bảo vệ môi trường theo qui định của pháp Luật. Công ty đã Đầu tư hệ thống đường nước và máy bơm nước cứu hỏa phục vụ công tác PCCC và đã Đầu tư trạm xử lý nước thải sinh hoạt để đảm bảo chất lượng nước xả thải ra môi trường đạt qui chuẩn thủ đô Hà Nội.

+ Về chính sách đối với người lao động (BSCI):

Công ty đã chủ động tiếp cận và áp dụng hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn Châu Âu BSCI. Các chính sách đối với người lao động được Công ty tuân thủ theo Luật lao động, NQLĐ và Thỏa ước lao động tập thể.

Tổ chức Intertek đã hoàn thành đánh giá việc tuân thủ BSCI tại công ty cho năm 2024, đã có báo cáo đánh giá vào hệ thống BSCI toàn cầu, mã số báo cáo 704-000016-001, kết quả đánh giá đạt mức D, có giá trị hiệu lực đến 6/2/2026 (hiệu lực trong vòng 1 năm từ ngày 7/2/2025 đến 7/2/2026).

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các chỉ tiêu cơ bản về sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	SS với thực hiện năm 2024	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ ± %
1	Sản lượng sản xuất và tiêu thụ	1000 viên	377.500	15,891	3,6
2	Tổng Doanh thu tiêu thụ	Tỷ đồng	490,8	33,9	6,6
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	54,1	-19,1	- 26,1
4	Cổ tức dự kiến	%	50	0	0

Các chi phí cơ bản

Nguyên vật liệu chính và phụ có định mức được xác định trên cơ sở

- Định mức tiêu hao vật tư theo định mức đã ban hành, cơ bản bám sát với định mức thực hiện của năm 2024;

- Giá các loại vật tư chính chiếm tỷ trọng lớn như kẽm tham chiếu theo giá LME, mangan điện giải, muội acetylen bám sát báo giá của nhà cung cấp truyền thống.

- Tỷ giá dự kiến: VND/ USD: 25.800 đồng; Tỷ giá VND/ CNY: 3.550 đồng

- Các vật tư khác: Về cơ bản ổn định so với năm 2024

Vật liệu phụ ngoài mức: được xác định trên cơ sở chi phí thực tế năm 2024 sau khi loại trừ các yếu tố biến động bất thường.

Nhiên liệu: Căn cứ tình hình thực hiện năm 2024 điều chỉnh cho phù hợp với khung sản lượng 2024

Điện động lực: không thay đổi định mức tiêu thụ điện so với năm 2024 và dự kiến giá điện tăng 5% từ T7 2025, chi phí điện tăng bình quân năm 2024: 2,5%

Khấu hao cơ bản: Trên cơ sở giá trị còn lại của TSCĐ và có đầu tư mới.

Chi phí sửa chữa lớn: Căn cứ tình hình thực hiện năm 2024 và nhu cầu phát sinh 2025, điều chỉnh và phân bổ phù hợp với qui mô sản lượng 2025

Chi phí cho Người Lao động:

Lao động: Sử dụng số lao động hiện có, căn cứ vào tình hình thực tế sẽ tuyển dụng với mức độ phù hợp với nhu cầu tăng trưởng sản lượng.

Tiền lương: Duy trì Tổng đơn giá tiền lương đã được phê duyệt năm 2024.

Bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn: theo quy định và chế độ chính sách.

Chi phí bán hàng: 9 % doanh thu

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): **Không**

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

- Tổng lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty ước tính 85 m3/ ngày.

- Tổng tiêu thụ nước trong năm 2024: *18.927 m3*

Công ty luôn quan tâm và thực hiện nghiêm túc việcduy trì công tác bảo vệ môi trường theo qui định của pháp Luật.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty đã xây dựng được quy chế tiền lương hợp lý được Hội nghị Người Lao động hàng năm thông qua. Qua đó vấn đề việc làm và thu nhập của người lao động được đảm bảo. Thu nhập bình quân năm 2024 của Người lao động đạt 14,88 trđ/ng/tháng tăng 18% so với mức thu nhập bình quân năm 2023.

Các chính sách đãi ngộ đối với người lao động, điều kiện làm việc được đảm bảo. Nhờ vậy người lao động trong Công ty có tâm lý yên tâm làm việc gắn bó với Công ty.

Hoạt động của tổ chức Công đoàn cũng được vận hành đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho người lao động qua đó không để xảy ra hiện tượng mâu thuẫn, xung đột lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Công ty đã chủ động tiếp cận và áp dụng hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn Châu Âu BSCI. Các chính sách đối với người lao động được Công ty tuân thủ theo Luật lao động, NQLĐ và Thỏa ước lao động tập thể.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty hoạt động tại địa phương với thời gian 65 năm luôn được chính quyền địa phương đánh giá cao về trách nhiệm cộng đồng. Một số lượng không nhỏ CBCNV của Công ty hiện còn đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu tại Khu tập thể Công ty cũng được Công ty quan tâm về điều kiện sinh hoạt thông qua các công trình phúc lợi như nhà Văn Hóa, Sân chơi tập thể .v.v. hoặc thăm hỏi quả tết hàng năm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

1.1 Về mục tiêu sản lượng, doanh thu và lợi nhuận:

HĐQT ghi nhận kết quả tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận thực hiện năm 2024 là khá tích cực. Đặc biệt là mức tăng trưởng chỉ tiêu lợi nhuận trong bối cảnh ảnh hưởng nặng nề của cơn bão số 3 tại cái Tỉnh Miền Bắc. HĐQT ghi nhận một số kết quả tích cực trong điều hành góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đạt chỉ tiêu lợi nhuận vượt mức kế hoạch đặt ra gồm:

- Tổ chức sản xuất linh hoạt, hài hòa đảm bảo cơ cấu tồn kho hợp lý đáp ứng kịp thời đầy đủ nhu cầu tăng trưởng của Thị trường đặc biệt là trong Q1 và Q4 năm 2024.
- Thực hiện tốt công tác quản lý chi phí sản xuất, quản lý chất lượng, quản lý môi trường và trách nhiệm xã hội theo đúng quy định.
- Kiểm soát tốt chi phí bán hàng, xây dựng chính sách chiết khấu hợp lý hiệu quả qua đó tiết giảm được chi phí bán hàng nhưng vẫn đảm bảo được khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Tuy nhiên HĐQT tại các phiên họp thường kỳ đã chỉ ra những bất cập trong điều hành mà Ban Giám đốc cần nghiêm túc tiếp thu, khắc phục nhằm phát huy hơn nữa những lợi thế của Công ty đồng thời hạn chế tối đa những rủi ro tiềm ẩn có nguy cơ phát sinh gây ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của Công ty.

1.2 Về đầu tư:

Trong năm, Công ty đã hoàn tất đầu tư 10 hạng mục tài sản cố định bao gồm 6 hạng mục máy móc thiết bị, 3 hạng mục thiết bị phục vụ hệ thống phòng cháy chữa cháy và xử lý nước thải, 1 phương tiện vận tải. Tổng giá trị đầu tư hoàn thành là 2,78 tỷ đồng.

HĐQT đánh giá các khoản đầu tư nêu trên là cần thiết và phù hợp với nhu cầu của Công ty. Các khoản đầu tư cũng đã phát huy được hiệu quả góp phần bình ổn sản xuất, từng bước nâng cao năng suất lao động và đảm bảo an toàn cho hoạt động của Công ty.

1.3 Vấn đề niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán: Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ tháng 3 năm 2019. Khối lượng giao dịch trong năm không lớn do các Cổ đông nắm giữ cổ phần của Công ty chủ yếu với mục đích đầu tư dài hạn.

Trong năm Công ty không bị UBCKNN hoặc Sở GDCK Hà Nội nhắc nhở hay xử phạt hành chính vì vi phạm các quy định đối với công ty niêm yết.

1.4 Công tác cán bộ: HĐQT yêu cầu BGĐ chủ động hoàn thiện qui hoạch, kiện toàn nhân sự quản lý để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

1.5 Về lao động và việc làm: Việc làm và thu nhập cho người lao động được đảm bảo và duy trì ở mức khá cao so với mặt bằng chung tại địa phương. Đội ngũ công nhân viên lao động có tay nghề, kỹ năng tốt đủ năng lực đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

- Các phiên họp của HĐQT đều tiến hành kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện điều lệ công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết, các quyết định của HĐQT đối với Ban giám đốc. Hội đồng Quản trị ghi nhận ban giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ công ty, thực hiện đúng các nghị quyết của HĐQT và chấp hành đúng pháp luật hiện hành; Chủ động điều hành trong phạm vi quyền hạn để đảm bảo hiệu quả cao nhất cho công ty, những vấn đề vượt quá thẩm quyền đều xin ý kiến HĐQT để HĐQT quyết định;

- HĐQT đã chỉ ra những hạn chế, rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD và yêu cầu giám đốc và BGĐ phải có biện pháp nhằm hạn chế các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình điều hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Bám sát nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 trong hoạt động quản trị doanh nghiệp. Quyết tâm thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

- Chủ động bố trí nhân sự bám sát diễn biến giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán, phản ứng kịp thời và có hiệu quả nhất nhằm đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông.

- Tăng cường công tác giám sát đối với Giám đốc và BGĐ cũng như các cán bộ quản lý khác để có biện pháp giải quyết tích cực và kịp thời. Ban hành các nghị quyết, quy chế quản lý công ty phù hợp nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của Ban giám đốc, đồng thời đảm bảo an toàn vốn cho công ty cũng như có hiệu quả cao nhất.

- Triển khai một cách đồng bộ và quyết liệt những giải pháp nhằm khắc phục một cách hiệu quả và triệt để những tồn tại trong quản trị, điều hành, quản lý Công ty mà HĐQT qua kiểm điểm đã chỉ ra.

- HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp định kỳ để thảo luận, nắm bắt tình hình SXKD của Công ty. Thông qua đó sẽ có chủ trương, ý kiến chỉ đạo kịp thời trong điều hành.

- Ngoài ra HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp bất thường (nếu có) để giải quyết và xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT cũng như những vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền giải quyết.

- Giám sát việc kiện toàn nhân sự một số phòng, phân xưởng, xây dựng quy hoạch và đạo tạo cán bộ chủ chốt của công ty trên cơ sở cán bộ hiện có và có năng lực trình độ, có nguyện vọng làm việc và công hiến cho công ty.

- Công tác điều hành và quản lý, công ty thường xuyên đánh giá định kỳ các nội dung cơ bản của hoạt động sản xuất kinh doanh, các biện pháp điều hành, tìm ra nguyên nhân các mục tiêu không đạt được, các vấn đề còn tồn tại, biện pháp giải quyết, xác định trách nhiệm của cá nhân đơn vị.

V. Quản trị công ty/*Corporate governance* (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ/ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập		Số cổ phần năm giữ, tỉ lệ nắm giữ
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Ông: Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	29/04/2022		364,350 CP (5,02%)
2	Ông: Nguyễn Thanh Hùng	TV HĐQT	29/04/2022		117,980 CP (1,63%)
3	Ông: Nguyễn Cao Sơn	TV HĐQT	29/04/2022		7,723 CP (0,11%)
4	Ông: Võ Khánh Toàn	TV HĐQT	29/04/2022		18.600 CP (0,26%)
5	Bà Quek Guet Ngoh	TV HĐQT không điều hành	29/04/2022		0 CP (0%)
6	Ông Lam Hin Lap Michael	TV HĐQT độc lập	29/04/2022		0 CP (0%)
7	Ông Edward Lam Wai Man	TV HĐQT độc lập	05/06/2023		0CP (0%)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông: Phạm Văn Nghĩa	11/13	84.62%	Việc cá nhân
2	Ông: Nguyễn Thanh Hùng	13/13	100%	
3	Ông: Nguyễn Cao Sơn	13/13	100%	
4	Ông: Võ Khánh Toàn	13/13	100%	
5	Bà Quek Guet Ngoh	13/13	100%	
6	Ông Lam Hin Lap Michael	12/13	92.31%	Công tác
7	Ông Lam Wai Man Edward	13/13	100%	

Trong năm 2024, HĐQT tổ chức 13 phiên họp với nội dung chính như sau:

Nội dung phiên họp lần 1: 02/02/2024.

- Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023.
- Thông qua biên bản kiểm soát quý III năm 2023 và các kiến nghị của Ban kiểm soát.
- Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch năm 2024

Nội dung phiên họp lần 2: 15/03/2024

- Kế hoạch sản xuất pin không chì.
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.
- Đánh giá kết quả thực hiện 2 tháng 2024.
- Kế hoạch tổ chức đại hội đồng cổ đông năm 2024.
- Công tác cán bộ: Về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ 2022 – 2027.
- Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2024.
- Vấn đề lỗ của VNGP.

Nội dung phiên họp lần 3: 26/03/2024.

- Thông qua Chương trình đại hội đồng cổ đông năm 2024.
- Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023.
- Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2023.
- Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ 2022 – 2027.
- Báo cáo quyết toán tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.
- Báo cáo trình Đại hội Đồng cổ đông năm 2024.
- Tờ trình về đầu tư.
- Tờ trình về lựa chọn công ty kiểm toán.
- Báo cáo của BKS năm 2023.

Nội dung phiên họp lần 4: 24/04/2024

- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý I năm 2024.
- Các vấn đề cần xem xét sau khi có kết quả sản xuất kinh doanh quý I.
- Kết luận của HĐQT về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.
- Phân công chuẩn bị đại hội đồng cổ đông năm 2024.

Nội dung phiên họp lần 5: 28/04/2024

- Soát xét tài liệu Đại hội đồng cổ đông năm 2024.
- Kế hoạch SXKD năm 2024.
- Thông qua biên bản của BKS quý 4 năm 2023.
- Chương trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2024

Nội dung phiên họp lần 6: 29/ 4/2024.

- Dự kiến kết quả SXKD tháng 4 năm 2024.
- Phương án chuyển đổi mục đích sử dụng tại vị trí số 72 Phan Trọng Tuệ.

Nội dung phiên họp lần 7: 11/ 6/2024.

- Đề xuất của GP với HĐQT về việc giới thiệu Ông Toàn là người Đại diện pháp luật của VNGP.
- Về sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024.
  + Kết quả sản xuất kinh doanh tháng 5.
  + Dự kiến tháng 6 và dự kiếm 6 tháng đầu năm 2024.
- Kế hoạch 6 tháng cuối năm.
- Về vấn đề hợp tác kinh doanh tại địa điểm sản xuất hiện tại của Công ty.

Ngoài các nội dung họp nêu trên, HĐQT đã thực hiện những hoạt động khác trong năm như sau:

- Uỷ quyền BGĐ tham gia đấu giá kẽm thỏi phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2024 và dự trữ cho năm 2025.
- Thông qua nội dung đề xuất của BGĐ về việc tăng dự trữ EMD đủ cho sản xuất 6 tháng cuối năm 2024 và dự trữ cho năm 2025.
- HĐQT thường xuyên theo dõi giám sát những hoạt động của Ban Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với BKS công ty kiểm tra các nội dung về chi phí sản xuất, kiểm soát và chỉ ra các bất cập trong công tác kiểm kê lên số liệu báo cáo của các đơn vị trong công ty.
- Các phiên họp của HĐQT đều tiến hành kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện điều lệ công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết của HĐQT và các quyết định của HĐQT đối với Ban giám đốc và đã ghi nhận ban giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ công ty, thực hiện đúng các nghị quyết của HĐQT và chấp hành đúng pháp luật hiện hành; Chủ động điều hành trong phạm vi quyền hạn để đảm bảo hiệu quả cao nhất cho công ty, những vấn đề vượt quá thẩm quyền đều xin ý kiến HĐQT để HĐQT quyết định;
- HĐQT đã chỉ ra những hạn chế, rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD và đề ra các giải pháp nhằm hạn chế các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình điều hành.

Nội dung phiên họp lần 8: 21/ 7/2024.

- Phê duyệt sản lượng 6 tháng cuối năm 2024 và một số nội dung liên quan đến KH SXKD 6 tháng cuối năm.

  + Thảo luận về dự báo các ĐH XK của GP về số lượng, chủng loại cho 6 tháng cuối năm và các năm tiếp theo:

  + Ngoài các thị trường đang XK Pin với nhãn PVC thì Đối với thị trường Ấn độ sẽ là Pin Nhãn nhôm - Ép vỉ.

  + Đầu tư MMTB: Để đáp ứng yêu cầu XK Pin theo dự báo của GP, cần phải đầu tư bổ sung MMTB như: Máy dán nhãn nhôm, Máy ép vỉ và MMTB khác như máy dập ống kẽm, máy nén khí...

  + HĐQT đã thảo luận và đồng ý với đề xuất của Giám đốc về việc đầu tư bổ sung một số MMTB nêu trên và sẽ căn cứ vào thực tế để thực hiện đầu tư từng bước thận trọng đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.

- Về Biên bản ghi nhớ (BBGN) giữa Công ty với Tập đoàn Hải phong.

  + Thảo luận và thông qua các nội dung của Biên bản ghi nhớ.

  + Ủy quyền cho ông Hùng Giám đốc công ty thay mặt HĐQT ký biên bản ghi nhớ với Hải Phong.

Nội dung phiên họp lần 9: 05 / 9 / 2024.

- Sản lượng sản xuất và tiêu thụ tháng 7.
- Báo cáo tiến độ đầu tư MMTB theo kết luận của HĐQT tại phiên họp ngày 21/7
- Các nội dung khác:

  + Gia hạn giấy phép nhập khẩu pin vào thị trường Ấn Độ.

  + Về Pin thương hiệu GEEP.

Nội dung phiên họp lần 10: 31/ 10 / 2024.

- Kết quả thực hiện quý 3 năm 2024.
- Kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2024.
- Kế hoạch Quý 4 năm 2024.
- Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025
- Biên bản kiểm soát 6 tháng đầu năm 2024 của BKS.

Nội dung phiên họp lần 11: 03/ 12 / 2024.

- Giám đốc và BGĐ giải trình các nội dung HĐQT đã kết luận tại phiên họp 31 tháng 10.

  + CF VLP không mức 9T đầu năm 2024

  + Phân tích định mức vật liệu chính.

  + Các Chi phí phát sinh

  + Lỗ bán Pin GP nhập khẩu.

  + Về các khoản nợ xấu đến 30/9/2024

- Kết quả sản xuất kinh doanh tháng 10 + tháng 11 năm 2024.
- Báo cáo về chuyến công tác Trung quốc của Chủ tịch HĐQT.
- Cập nhật gia hạn giấy phép xuất khẩu vào thị trường Ấn Độ.
- Cập nhật sản lượng năm 2024 và năm 2025.
- Các nội dung khác.

Nội dung phiên họp lần 12: 09/ 12 / 2024.

Xin ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT qua Email về việc tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2024.

Nội dung phiên họp lần 13: 21/ 12 / 2024.

- Xin ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT qua Email về các nội dung:
  + Báo cáo tài chính quý 3 và lũy kế 9 tháng.
  + Báo cáo của BKS.
  + Cập nhật tình hình giấy phép nhập khẩu Pin vào Ấn độ.
  + Tờ trình xử lý công nợ khó đòi.
  + Các vấn đề vi phạm mà thanh tra thuế đã chỉ ra.
  + Nội dung về Pin giả nhãn mác công ty trên thị trường.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): Không

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm):

Stt.	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Nghị quyết số 01/2024/NQ - HĐQT	04/3/2024	Chốt danh sách cổ đông tại thời điểm 25/3/2024 để phục vụ mục đích tổ chức Đại hội Đồng cổ đông năm 2024	100%
2	Nghị quyết số 02/2024/ NQ – HĐQT	29/4/2024	Chốt danh sách cổ đông phục vụ mục đích chi trả cổ tức lần 2 năm 2023 và tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2024 bằng tiền mặt.	100 %
3	Quyết định số 03/QĐ – HĐQT	03/5/2024	Quyết định thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS của Công ty.	100%
4	Quyết định số 04/QĐ – HĐQT	29/4/2024	Quyết định về việc Ban hành đơn giá tiền lương năm 2024	
5	Nghị quyết số 05/NQ – HĐQT	31/10/2024	Nghị quyết về điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2024 và phê duyệt kế hoạch năm 2025	100%
6	Nghị quyết số 06/NQ – HĐQT	9/12/2024	Chốt danh sách cổ đông phục vụ mục đích chi trả cổ tức lần 2 năm 2024	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

1- Bà Nguyễn Thị Thanh Hải — Trưởng ban; Trình độ: Cử nhân chuyên ngành Tài Chính - Kế toán

Thành viên độc lập, không tham gia điều hành. Số cổ phần sở hữu: 34.965 CP

2- Ông Nguyễn Thanh Đức — Ủy viên; Trình độ Kỹ sư Điện hóa

Chức vụ Trưởng Phòng KTCN-MT-KCS. Số cổ phần sở hữu: 8.303 CP

3- Ông Huỳnh Tín Đình — Ủy viên;

Thành viên độc lập, không tham gia điều hành. Số cổ phần sở hữu: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Căn cứ vào điều 38 Điều lệ Công ty, căn cứ vào quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Các thành viên BKS luôn thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, thường xuyên trao đổi, góp ý kiến về trưởng ban để tổng hợp.

Hoạt động của Ban kiểm soát mỗi quý tổ chức họp một lần nhằm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, chấp hành các quy định về pháp luật, Điều lệ Công ty.

Tổ chức phiên họp cuối năm nhằm tổng kết phân tích, đánh giá toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành trong năm, kết quả kiểm tra, kiểm soát được gửi biên bản thông báo đến HĐQT, Ban Điều hành theo quy định.

Tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT và trực tiếp đóng góp ý kiến.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập và luôn phối hợp với HĐQT, Ban điều hành, các phòng ban nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát luôn được Công ty cung cấp thông tin, tài liệu chính xác, kịp thời để phục vụ việc kiểm tra, kiểm soát.

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định trong Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc và người quản lý khác.

Chịu trách nhiệm trước cổ đông về sự giám sát của mình.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Báo cáo về thu nhập của các UVHĐQT; BKS năm 2023:

Căn cứ pháp lý:

- Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 4 năm 2024;
- Quyết định số 04/2023/QĐ- HĐQT ngày 29 tháng 4 năm 2024 của HĐQT về Tổng Đơn giá tiền lương áp dụng cho năm 2024;
- Phụ cấp HĐQT và BKS theo Quyết định số 03/QĐ – HĐQT của HĐQT, ngày 03 tháng 5 năm 2024 của HĐQT về thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS.

  Theo đó:

- Tiền lương: Các thành HĐQT và BKS không hưởng lương chuyên trách mà chỉ hưởng lương theo cương vị, chức vụ trong điều hành và quản lý tại Công ty.

Mức lương tháng hiện hành:

Chức danh	*Lương cơ bản*	*Thưởng*	*Cơm công nghiệp*	*Tổng*
Giám đốc	21,885,501	27,028,594	520.000	49.434.095
Phó giám đốc	17,496,447	21,608,112	520.000	39.624.559
Kế toán trưởng	14,477,208	14,650,934	520.000	29.648.142
Trưởng phòng – Quản đốc	13,470,796	12,325,778	520.000	26.316.574

- Phụ cấp HĐQT và BKS:

Chủ tịch HĐQT:	6.000.000/tháng
Ủy viên HĐQT:	4.000.000/tháng
Trưởng ban Kiểm soát:	4.000.000/tháng
Ủy viên Ban Kiểm soát:	3.000.000/tháng
Thư ký Công ty	2.000.000/tháng

- Ngoài ra đối với các UV HĐQT; Thành viên Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành và quản lý còn được hưởng thù lao: 1.500.000đ/ngày làm việc khi tham dự các phiên họp do HĐQT triệu tập. Chủ tịch HĐQT hưởng thù lao 2.000.000 đ/ ngày làm việc thực tế.

Tình hình thu nhập thực tế của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2023 (Số đã chi trả):

Họ và tên	*Chức danh*	*Tiền lương + thưởng*	*Thù lao cố định/tháng*	*Thù lao theo công làm việc TT*	*Tổng cộng*
Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT		60.000.000	167.222.222	227.222.222
Nguyễn Thanh Hùng	UV HĐQT Giám đốc	601.128.347	48.000.000		649.128.347
Nguyễn Cao Sơn	UV HĐQT PGĐ	475.438.142	48.000.000		523.438.142
Võ Khánh Toàn	UV HĐQT PGĐ	491.598.659	48.000.000		539.598.659
Quek Guet Ngoh	UV HĐQT		48.000.000	31.562.500	79.562.500
Ông Lam Hin Lap Michael	UV HĐQT		48.000.000	28.437.500	76.437.500
Ông Lam Wai Man Edward	UV HĐQT		48.000.000	27.812.500	75.812.500
Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát		48.000.000	131.666.666	179.666.666
Huỳnh Tín Đình	UV Ban Kiểm soát		36.000.000	22.499.999	58.499.999
Nguyễn Thanh Đức	UV Ban Kiểm soát	320.893.158	36.000.000		356.893.158
Nguyễn Thanh Quang	Thư ký HĐQT.	320.979.873	24.000.000		344.979.873

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ và người liên quan:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Diệp Thị Hạnh	Vợ Ông Phạm Văn Nghĩa Chủ tịch HĐQT	46.764	0.645%	44.464	0.613%	Bán cổ phiếu
2	Phạm Xuân Nam	Con trai Ông Phạm Văn Nghĩa Chủ tịch HĐQT	69.945	0.964%	69.345	0.956%	Bán cổ phiếu
3	Võ Khánh Toàn	Thành viên HĐQT	16.800	0.232%	18.600	0.256%	Mua cổ phiếu

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn:

STT	***Họ và tên***	***Số cp nắm giữ đầu năm***	***Số cp nắm giữ cuối năm***	***Tăng giảm trong năm***
1	**Cổ đông lớn**			
	Lê Xuân Lương	425.700 (5,87%)	426.300 (5,88%)	+600 cp

Các cổ đông lớn khác và người liên quan khác không có biến động.

Ghi chú: Biến động nắm giữ cổ phiếu của Công ty trong năm được tham chiếu từ danh sách do VSD chốt ngày ngày 31 tháng 10 năm 2023 tính cho số đầu năm và danh sách chốt ngày 27 tháng 12 năm 2024 tính cho số cuối năm.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: ***Không có***

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

   Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên.

Người đại diện theo pháp luật
Giám đốc Công ty

Nguyễn Thanh Hùng

Nơi nhận:
- *Công bố thông tin*
- *HĐQT, Ban Kiểm soát*
- *Lưu HC, Thư ký Công ty*